

Bản án số:10/2018/HS-PT

Ngày 16-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Oanh

Bà Hoàng Thị Minh Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Đan Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 13/2018/TLPT-HS ngày 12 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 104/2017/HSST ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện SD, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị cáo có kháng cáo:

NGUYỄN THỊ T, Tên gọi khác: Không; sinh ngày 02/01/1974;

Nơi cư trú: Thôn MD, xã TL, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Tòng T (đã chết) và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1940;

Có chồng là: Chu Kim K, sinh năm 1962 và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Ngoài ra trong bản án còn có 03 bị cáo nhưng không có kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 25 phút ngày 14/8/2017, tại nhà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974, trú tại thôn MD, xã TL, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang, tổ công tác của Công an huyện SD lập Biên bản vi phạm hành chính đối với Nguyễn Thị T về hành vi bán số lô, số đề trái phép cho Trần Văn Đ, sinh năm 1990, trú tại thôn ĐN, xã PỨ, huyện SD. Tang vật thu giữ gồm: 02 cặp đề được viết vào tờ lịch có chữ viết và chữ ký của Nguyễn Thị T, 01 quyển sổ có 08 tờ giấy, bên trong có chữ viết và 360.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi nghìn đồng*) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị T khai nhận trong ngày 12, 13 và 14/8/2017 có hành vi ghi số lô, số đề trái phép được thua bằng tiền với mức sát phạt tỷ lệ (Nếu số mua trùng hai số cuối của giải đặc biệt của xổ số miền Bắc thì được gấp 70 lần số tiền mua. Đối với số lô, mua 01 điểm = 24.000 đồng, nếu số mua trùng với hai số cuối của các giải xổ số miền Bắc trong ngày thì 01 điểm được 80.000 đồng). Cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 12/8/2017, Nguyễn Thị T bán số lô, số đề trái phép cho các đối tượng cụ thể như sau:

1. Hà Xuân M, sinh năm 1982, trú tại tổ 8, phường XH, thị xã PY, tỉnh Vĩnh Phúc (giao dịch qua điện thoại di động) mua các số đề 48, 84, 34, 43, 39, 93, 26, 62, 89, 98 (mỗi số 500.000 đồng) = 5.000.000 đồng, 300 điểm số lô 48 = 7.200.000 đồng. Tổng số tiền M mua số lô, số đề trái phép là 12.200.000 đồng (không trúng).

2. Trần Văn N, sinh năm 1993, trú tại thôn ĐC, xã HH, huyện SD mua các số đề 06, 37 (mỗi số 50.000 đồng) = 100.000 đồng, số 22, 53 (mỗi số 20.000 đồng) = 40.000 đồng, các số lô 91, 80, 31, 95 (mỗi số 50 điểm) = 200 điểm = 4.800.000 đồng. Tổng số tiền N mua số lô, số đề trái phép là 4.940.000 đồng. Sau đó, N trúng số lô 95 = 50 điểm x 80.000 đồng = 4.000.000 đồng (T đã trả tiền).

3. Nguyễn Thế M, sinh năm 1988, trú tại thôn VL, xã TL, huyện SD mua số đề 20 = 50.000 đồng, số 02 = 30.000 đồng, 20 điểm số lô 35 = 480.000 đồng, 10 điểm số lô 98 = 240.000 đồng. Tổng số tiền M mua số lô, số đề trái phép là 800.000 đồng. Sau đó, M trúng số lô 98 = 20 điểm x 80.000 đồng = 1.600.000 đồng (T đã trả tiền).

4. Hà Thị L, sinh năm 1970, trú tại thôn MD, xã TL (giao dịch qua điện thoại) mua các số đề 07, 70 (mỗi số 50.000 đồng) = 100.000 đồng, số 08, 80 (mỗi số 20.000 đồng) = 40.000 đồng. Tổng số tiền L mua số đề trái phép là 140.000 đồng (không trúng).

5. La Trung Đ, sinh năm 1999, trú tại thôn ĐC, xã HH mua các số đề 44, 74, 71 (mỗi số 10.000 đồng) = 30.000 đồng, các số đề 04, 84, 90, 09, 86 (mỗi số 20.000 đồng) = 100.000 đồng. Tổng số tiền Đ mua số đề trái phép là 130.000 đồng (không trúng).

6. Trần Đình N, sinh năm 1984, trú tại thôn MD, xã TL mua các số đề 18, 81 (mỗi số 35.000 đồng) = 70.000 đồng, số 30, 79 (mỗi số 20.000 đồng) = 40.000 đồng, số 27, 72 (mỗi số 10.000 đồng) = 20.000 đồng. Tổng số tiền N mua số đề trái phép là 130.000 đồng (không trúng).

7. Nguyễn Thị N, sinh năm 1961, trú tại thôn MD, xã TL, huyện SD mua các số đề 11, 44, 65, 33 (mỗi số 5000 đồng) = 20.000 đồng, các số đề 34, 80, 84, 66 (mỗi số 10.000đ) = 40.000 đồng. Tổng số tiền N mua số đề trái phép là 60.000 đồng (Trong đó

N mua hộ Lục A T, sinh năm 1959 (chồng N) số đề 34 = 10.000 đồng). Sau đó, N trúng số đề 66 được 700.000 đồng (T đã trả tiền).

Tổng số tiền Nguyễn Thị T bán số lô, số đề trái phép cho các đối tượng ngày 12/8/2017 là 18.400.000 đồng; tổng số tiền T trả N, M, N trúng lô, đề là 6.300.000 đồng. Tổng cộng số tiền bán lô số đề và tiền trả cho người trúng lô số đề là 24.700.000 đồng (hai mươi bốn triệu bảy trăm ngàn đồng)

Lần 2: Ngày 13/8/2017, Nguyễn Thị T bán số lô, số đề trái phép cho các đối tượng cụ thể như sau:

1. Hà Xuân M (giao dịch qua điện thoại) mua số đề 36 = 1.000.000 đồng, các số 63, 13, 31, 68, 86, 18, 81 (mỗi số 250.000 đồng) = 1.750.000 đồng, 150 điểm số lô 36 = 3.600.000 đồng. Tổng số tiền M mua số lô, số đề trái phép là 6.350.000 đồng (không trúng).

2. Nguyễn Thế M mua 20 điểm số lô 35 = 480.000 đồng, 5 điểm số lô 25 = 120.000 đồng. Tổng số tiền M mua số lô trái phép là 600.000 đồng (không trúng).

3. Lê Trung Đ mua 5 điểm số lô 11 = 120.000 đồng, 5 điểm số lô 25 = 120.000 đồng. Tổng số tiền Đ mua số lô trái phép là 240.000 đồng (không trúng).

4. Hà Thị L (giao dịch qua điện thoại) mua các số đề 25, 52 (mỗi số 50.000 đồng) = 100.000 đồng, số 81 = 10.000 đồng. Tổng số tiền L mua số đề trái phép là 110.000 đồng (không trúng).

5. Phan Văn N, sinh năm 1996, trú tại thôn B, xã TL (giao dịch qua điện thoại) mua các số đề 69, 96, 79, 97 (mỗi số 25.000 đồng) = 100.000 đồng (không trúng).

6. Lê Quang H, sinh năm 1990, trú tại thôn NĐ, xã HH, huyện SD mua các số đề 37, 73, 47, 74 (mỗi số 20.000 đồng) = 80.000 đồng, Huy mua hộ Ông Á T, sinh năm 1984 (cùng thôn NĐ) các số 83, 84 (mỗi số 10.000 đồng) = 20.000 đồng. Tổng cộng 100.000 đồng (đều không trúng).

7. Nguyễn Danh D, sinh năm 1965, trú tại thôn MR, xã TL mua các số đề 58, 82, 09 (mỗi số 20.000đ) = 60.000 đồng (không trúng).

8. Trần Đình N mua các số đề 01, 10, 09, 90, 00, 42 (mỗi số 10.000 đồng) = 60.000 đồng (không trúng).

9. Nguyễn Thị N mua các số đề 46, 15, 20, 19, 06 (mỗi số 10.000 đồng) = 50.000 đồng (không trúng).

Tổng số tiền Nguyễn Thị T bán số lô, số đề trái phép cho các đối tượng ngày 13/8/2017 là **7.670.000** đồng.

Lần 3: Ngày 14/8/2017, Nguyễn Thị T bán số lô, số đề trái phép cho các đối tượng cụ thể như sau:

1. Trần Văn Đ mua số đề 24 = 20.000 đồng, số 77 = 30.000 đồng và 10 điểm số lô 43 = 240.000 đồng. Tổng số tiền Đ mua số lô, số đề là 290.000 đồng.

2. Lục A T nhờ vợ là Nguyễn Thị N mua các số đề 26, 32, 56, 76, 78, 86, 87, 89 (mỗi số 10.000 đồng) = 80.000 đồng, số đề 22 = 50.000 đồng. Tổng số tiền T mua số đề trái phép là 130.000 đồng.

3. Phan Văn N (giao dịch qua điện thoại) mua 5 điểm số lô 15 = 120.000 đồng.

4. Nguyễn Thị N mua các số đề 35, 03, 39, 60, 59, 28, 10, 17, 32 (mỗi số 10.000 đồng) = 90.000 đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Thị T bán số lô, số đề trái phép cho các đối tượng ngày 14/8/2017 là **630.000** đồng.

Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Thị T đánh bạc đã được chứng minh có căn cứ là **33.000.000** đồng. Trong đó, ngày 12/8/2017 là 24.700.000 đồng (bao gồm cả số tiền N, M, N trúng thưởng); ngày 13/8/2017 là 7.670.000 đồng; ngày 14/8/2017 là 630.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 446 ngày 08/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Chữ viết, chữ số trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) với chữ viết trên Bản tự khai viết tay, đề ngày 14/8/2017 ghi tên Nguyễn Thị T (ký hiệu M1) là do cùng một người viết.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 104/2017/HSST ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện SD, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

* Tuyên bố Nguyễn Thị T phạm tội: “Đánh bạc”.

* Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46; đoạn 1 điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 30 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015.

* Xử phạt Nguyễn Thị T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày vào trại chấp hành án.

- Phạt tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với 03 bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02/01/2018, bị cáo Nguyễn Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

Về thủ tục kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, đúng pháp luật; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đúng tổ tụng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Đánh bạc” là đúng người, đúng tội, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Thị T và Hà Xuân M là không đúng, vì các bị cáo đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (*phạm tội nhiều lần quy định tại đoạn 1 điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999*). Nên cấp phúc thẩm cần sửa lại không cho bị cáo T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đối với bị Hà Xuân M do không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị nên không xem xét tại cấp phúc thẩm mà xem xét theo trình tự khác và kiến nghị đối với Tòa án cấp sơ thẩm để rút kinh nghiệm chung.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị T, ngoài tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 (nay là điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015). Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm Huân chương kháng chiến, Huân chương chiến thắng, Huy chương chiến sỹ vẻ vang của bố đẻ (ông Nguyễn Tòng T), Biên lai thu tiền phạt, đây là tình tiết mới cần được áp dụng xem xét cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện SD, tỉnh Tuyên Quang về hình phạt giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Áp dụng: khoản 3 Điều 7; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015; áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; đoạn 1 điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 30 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 15 tháng tù về tội đánh bạc. Thời hạn tù tính từ ngày vào trại chấp hành án.

Ghi nhận bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt là 7.200.000đ (*Bảy triệu hai trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0000002 ngày 15/01/2018 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện SD, tỉnh Tuyên Quang.

Bị cáo Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo và tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong các ngày 12, 13 và 14/8/2017, tại thôn MD, xã TL, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang, Nguyễn Thị T đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức bán số lô, số đề trái phép với số tiền cụ thể là:

+ *Lần 1:* Ngày 12/8/2017, tổng số tiền T tham gia đánh bạc là 24.700.000 đồng (Trong đó số tiền 18.400.000 đồng là bán số lô, số đề trái phép; trả tiền thắng bạc cho Nguyễn Thị N là 700.000 đồng, cho Trần Văn N là 4.000.000 đồng, trả cho Nguyễn Thế M là 1.600.000 đồng).

+ *Lần 2*: Ngày 13/8/2017, T bán được 7.670.000 đồng số lô, số đề trái phép.

+ *Lần 3*: Ngày 14/8/2017, T bán được 630.000 đồng số lô, số đề trái phép.

Tổng số tiền 03 lần là **33.000.000đ** (*Ba mươi ba triệu đồng*).

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng đến trật tự công cộng và các quy định của Nhà nước. Tòa án nhân dân huyện SD, tỉnh Tuyên Quang đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, xử phạt bị cáo 18 tháng tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[4] Cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 (nay là điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015) để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm Huân chương kháng chiến, Huân chương chiến thắng, Huy chương chiến sỹ vẻ vang của bố đẻ (ông Nguyễn Tòng T), Biên lai thu tiền phạt, đây là tình tiết mới cần được áp dụng xem xét cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, giảm nhẹ một phần hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về áp dụng tình tiết giảm nhẹ: Cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự (Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng) đối với 2 bị cáo Nguyễn Thị T và bị cáo Hà Xuân M, Hội đồng xét xử thấy việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ đó là không đúng quy định vì 2 bị cáo phạm tội nhiều lần bị áp dụng tình tiết tăng nặng tại đoạn 1 điểm g khoản 1 Điều 48, cho nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cần sửa lại không cho bị cáo T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đối với bị cáo Hà Xuân M không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị nên không xem xét tại cấp phúc thẩm mà xem xét theo trình tự khác và kiến nghị đối với Tòa án cấp sơ thẩm để rút kinh nghiệm chung.

[6] Ghi nhận bị cáo Nguyễn Thị T đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt là 7.200.000đ (*Bảy triệu hai trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0000002 ngày 15/01/2018 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện SD, tỉnh Tuyên Quang.

[7] Bị cáo Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T sửa bản án hình sự sơ thẩm số 104/2017/HSST ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện SD, tỉnh Tuyên Quang về hình phạt như sau:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 7; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015; áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; đoạn 1 điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 30 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Thị T 15 (mười lăm) tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn tù tính từ ngày vào trại chấp hành án.

Ghi nhận bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt là 7.200.000đ (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0000002 ngày 15/01/2018 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện SD, tỉnh Tuyên Quang.

Bị cáo Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện SD;
- VKSND huyện SD;
- Công an huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Oanh

Hoàng Thị Minh Khánh

Nguyễn Thanh Hương

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND huyện Sơn Dương;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Công an huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

Nguyễn Thanh Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Oanh - Nguyễn Thanh Hương

Hà Văn Chương

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện Sơn Dương;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Công an huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Chương